

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

- Bản án số: 22/2025/HC - ST
- Ngày 29 tháng 4 năm 2025
- V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội thuộc trường hợp yêu cầu hủy quyết định và truy thu đóng bảo hiểm xã hội*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Trần Quỳnh Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Thanh Phương

Ông Dương Văn Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Minh Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ, Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 78/2024/TLST-HC ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội thuộc trường hợp yêu cầu hủy quyết định và truy thu đóng bảo hiểm xã hội*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐST-HC ngày 12 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Lê Văn T, sinh năm 1963

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T: Bà Tạ Nguyệt T1 là Luật sư của Công ty L thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu

- Người bị kiện:

1. Bảo hiểm xã hội tỉnh B (nay là Bảo hiểm xã hội khu vực XXXII)

2. Giám đốc bảo hiểm xã hội tỉnh B (nay là Giám đốc Bảo hiểm xã hội khu vực XXXII)

Cùng địa chỉ: Số B T, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Triệu Trung H, chức vụ: Giám đốc.

3. Cục thuế tỉnh B (nay là Chi cục thuế khu vực X).
4. Cục trưởng Cục thuế tỉnh B (nay là Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực X)

Cùng địa chỉ: G, đường C, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T2, chức vụ: Chi cục trưởng.

5. Chi Cục thuế khu vực P (nay là Đội thuế liên huyện P - Hồ N).

6. Chi Cục trưởng Chi Cục thuế khu vực P (nay là Đội trưởng đội thuế liên huyện P - Hồ N).

Cùng địa chỉ: Ấp H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T2, chức vụ: Chi cục trưởng.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Trường trung học cơ sở N

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện H tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Đ, chức vụ: Hiệu trưởng

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo người khởi kiện ông Lê Văn T trình bày:

Từ năm 1982 đến năm 1988, ông T dạy học tại Trường trung học cơ sở Ninh Hòa huyện N, không có quyết định tuyển dụng nhưng được trả lương, có bảng lương từ năm 1984 đến năm 1988. Đến năm 1989, ông T nghỉ dạy tại trường. Năm 1989, ông T làm tài chính ấp T, xã N, không có quyết định tuyển dụng và cũng không được hưởng lương.

Từ năm 1994 đến hết năm 2023, ông T công tác trong ngành thuế của huyện H, hàng năm đều có kí kết hợp đồng lao động, lương của ông do Chi cục Thuế huyện P chi trả, cụ thể quá trình làm việc:

Năm 1994, ông T làm việc tại đội thuế xã N, lương tháng 120.000 đồng, có cung cấp bảng lương kèm theo.

Ngày 15/10/2000, ông T làm đội trưởng đội thuế xã N, có quyết định bổ nhiệm của Cục thuế tỉnh B, ông T không có giữ quyết định này, quyết định do Cục thuế tỉnh B lưu giữ. Trong bảng lương của ông T thể hiện vấn đề này.

Tháng 06/2004, ghép đội thuế N và Ngan D thành đội thuế N-N, ông T được bổ nhiệm thành đội phó đội thuế N-N, có quyết định bãi nhiệm đội trưởng và quyết định đội phó;

Từ tháng 06/2007, do ông T không có bằng Đại học nên không được bổ nhiệm chức danh lãnh đạo được. Cục thuế tỉnh Bạc Liêu ra quyết định bãi nhiệm chức đội phó; ông T về công tác tại đội thuế số 1 làm nhân viên thuế cho đến hết năm 2007.

Từ năm 2008 cho đến khi ông T nghỉ hưu (ngày 01/01/2024) thì ông T có được đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ.

Nay, ông Lê Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Huỷ Quyết định 342/QĐBHXH ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T.

Buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Bạc Liêu phải tính thời gian tham gia công tác từ năm 1984 -1988 là thời gian công tác đã đóng bảo hiểm xã hội đối với ông Lê Văn T đúng theo qui định của pháp luật.

- Huỷ Phiếu hướng dẫn số 72/HD-BHXH ngày 19/01/2024 và Công văn số 206/BHXH-TST ngày 01/03/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B.

- Huỷ Công văn số: 597/CTBLI-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Lê Văn T.

Buộc Cục Thuế tỉnh B phải truy thu trích đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho ông Lê Văn T từ năm 1994 - 2007 và buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh B phải tính thời gian tham gia công tác từ năm 1994 - 2007 là thời gian công tác mà ông Lê Văn T phải được đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đúng theo qui định của pháp luật.

- Huỷ Quyết định số 84/QĐ-CCTKV ngày 4/5/2024 của Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực P- Hồng Dân về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T (lần đầu).

- Buộc Bảo hiểm xã hội và Cục Thuế tỉnh B phải bồi thường tổn thất về thu nhập tiền lương hưu cho ông Lê Văn T kể từ thời điểm ông T có quyết định nghỉ hưu cho đến thời điểm ông T được cộng nối thời gian tham gia công tác được tính bảo hiểm xã hội theo qui định của pháp luật với số tiền tạm tính từ ngày 01/01/2024 đến tháng 10/2024 là 50.000.000 đồng.

Ngày 23/4/2025, ông T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút lại các rút lại việc khởi kiện các yêu cầu sau:

- Buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Bạc Liêu phải tính thời gian tham gia công tác từ năm 1984 -1988 là thời gian công tác đã đóng bảo hiểm xã hội đối với ông Lê Văn T đúng theo qui định của pháp luật.

- Buộc Cục Thuế tỉnh B phải truy thu trích đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho ông Lê Văn T từ năm 1994 - 2007 và buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh B phải tính thời gian tham gia công tác từ năm 1994 - 2007 là thời gian công tác mà ông Lê Văn T phải được đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đúng theo qui định của pháp luật.

- Buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Bạc Liêu và Cục Thuế tỉnh B phải bồi thường tổn thất về thu nhập tiền lương hưu cho ông Lê Văn T kể từ thời điểm ông T có quyết định nghỉ hưu cho đến thời điểm ông T được cộng nối thời gian tham gia công tác được tính bảo hiểm xã hội theo qui định của pháp luật với số tiền tạm tính từ ngày 01/01/2024 đến tháng 10/2024 là 50.000.000 đồng.

- Huỷ Phiếu hướng dẫn số 72/HD-BHXXH ngày 19/01/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B.

Các yêu cầu còn lại ông T vẫn tiếp tục khởi kiện, cụ thể yêu cầu hủy:

- Quyết định 342/QĐBHXXH ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T;

- Công văn số: 597/CTBLI-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Lê Văn T;

- Quyết định số 84/QĐ-CCTKV ngày 4/5/2024 của Chi Cục trưởng Chi Cục thuế khu vực P-Hồ N về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T (lần đầu).

2. Người bị kiện:

2.1. Bảo hiểm xã hội tỉnh B (nay là Bảo hiểm xã hội khu vực XXXII) và Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B (nay là Giám đốc Bảo hiểm xã hội khu vực X1) trình bày:

Bảo hiểm xã hội tỉnh Bạc Liêu không đồng ý đối với toàn bộ yêu cầu của Người khởi kiện (ông Lê Văn T) bởi những lý do sau đây:

- Thứ nhất, đối với yêu cầu hủy Phiếu hướng dẫn số 72/HD-BHXXH ngày 19/01/2024 và hủy Quyết định số 324/QĐBHXXH ngày 19/07/2024 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu)

Ngày 03/6/2024, Bảo hiểm xã hội tỉnh B đã nhận được Đơn khiếu nại của ông Lê Văn T, địa chỉ tại ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Theo đơn, ông T khiếu nại nội dung Phiếu hướng dẫn số 72/HD-BHXXH ngày 19/01/2024 và nội dung Công văn số 206/BHXXH-TST ngày 01/03/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B. Theo đó, ông T khiếu nại việc Bảo hiểm xã hội tỉnh B không tính thời gian công tác từ năm 1984 đến năm 1988 là thời gian công tác đã đóng bảo hiểm xã hội đối với ông T.

Sau khi xem xét nội dung đơn và tài liệu nộp kèm theo đơn, căn cứ Luật BHXH 2014; Luật Khiếu nại; Nghị định 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020; Thông tư 05/2021/TT-TTCT ngày 01/10/2021; Quyết định số 378/QĐ-BHXXH ngày 11/03/2020 của Tổng Giám đốc B; Nghị định 89/2020/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của B, Công văn số 3595/LĐTBXH-BHXXH ngày 18/9/2020 của Bộ L1 (LĐTBXH), Khoản 7 Điều 23 Nghị định 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Bạc Liêu đã tiến hành kiểm tra, xác minh, thu thập hồ sơ liên quan để trả lời đơn và gửi Phiếu hướng dẫn số 72/HD-BHXXH và Quyết định số 324/QĐBHXXH ngày 19/07/2024 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu). Bảo hiểm xã hội tỉnh B nhận thấy:

1. Về hình thức: Quyết định số 324/QĐBHXH ngày 19/07/2024 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) đã ban hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

2. Về nội dung: Cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B không giải quyết tính thời gian công tác từ năm 1984 đến năm 1988 là thời gian công tác đã đóng Bảo hiểm xã hội đối với ông Lê Văn T do ông chưa cung cấp được hồ sơ, tài liệu theo quy định, cụ thể như sau:

Căn cứ khoản 6 Điều 123 Luật BHXH 2014 và Công văn số 3595/LĐTBXH-BHXH ngày 18/9/2020 của Bộ L2 thì Cơ quan Bảo hiểm xã hội căn cứ vào hồ sơ gốc thể hiện thời gian làm việc của ông T trong khu vực Nhà nước trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 để xem xét tính thời gian công tác trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 đối với người lao động, bao gồm các giấy tờ sau: Hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng; các quyết định nâng lương, chuyển xếp lương; quyết định điều động hoặc quyết định chuyển công tác; quyết định phục viên xuất ngũ, chuyển ngành; quyết định nghỉ chờ việc; quyết định nghỉ việc hoặc chấm dứt hợp đồng lao động; lí lịch gốc và lí lịch bổ sung (nếu có).

Trên thực tế ông Lê Văn T không cung cấp được quyết định tuyển dụng vào trường phổ thông cơ sở xã N. Do đó, căn cứ theo quy định tại Khoản 7 Điều 23 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết của Luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc và Công văn số 3595/LĐTBXH-BHXH thì:

- Trường hợp người lao động không còn hồ sơ gốc thể hiện thời gian làm việc trong khu vực Nhà nước trước ngày 01/01/1995 thì việc xem xét, quyết định tính hoặc không tính thời gian công tác trước ngày 01/01/1995 là thời gian công tác đã đóng BHXH đối với người lao động do bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định, dựa trên cơ sở: (1) Đơn đề nghị của người lao động. (2) Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý người lao động và các giấy tờ có liên quan đến thời gian công tác đề nghị tính hưởng BHXH để đối chiếu như: Lý lịch Đảng viên, lý lịch đoàn viên, sổ lao động, danh sách lao động, sổ theo dõi, danh sách chi trả lương, sổ lương thực, giấy khen, bằng khen, kỷ niệm chương, văn bằng, chứng chỉ, hồ sơ giải quyết chế độ của người lao động khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

- Nội dung văn bản xác nhận của cơ quan quản lý người lao động phải bao gồm các thông tin: Lý do không còn hồ sơ gốc của người lao động, thời điểm tuyển dụng, diễn biến quá trình công tác, diễn biến tiền lương của người lao động; việc người lao động chưa được giải quyết trợ cấp thôi việc hoặc trợ cấp một lần, lý do chưa được giải quyết; lý do gián đoạn hoặc nghỉ việc và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị quản lý trong việc giải quyết chế độ tại thời điểm

nghỉ việc đối với người lao động có thời gian công tác gián đoạn hoặc đã nghỉ việc trước ngày 01/01/1995. Căn cứ vào nội dung đơn và tài liệu do ông T đã cung cấp và cam kết tính hợp pháp của tài liệu thì ông T không cung cấp cho cơ quan bảo hiểm xã hội quyết định tuyển dụng vào trường phổ thông cơ sở xã N và xác nhận của hiệu trưởng trường phổ thông cơ sở xã N không đúng và đủ theo quy định, cụ thể là chưa xác nhận ông T đã hưởng chế độ trợ cấp thôi việc hay chưa? Lý do thôi việc? Lý do gì mà ông T không hưởng trợ cấp khi thôi việc tại đơn vị? Đối với danh mục bảng lương và các văn bản xác nhận bao gồm: Giấy xác nhận (do ông Nguyễn Văn S đứng đơn lập năm 2022) và đơn xác nhận (do ông T đứng đơn lập vào các năm 2013, 2015, 2016, 2022), cả hai đều do cá nhân lập, hoàn toàn không phải là văn bản xác nhận do cơ quan quản lý người lao động xác nhận nên không có cơ sở để chấp nhận.

Ngoài ra, đối với nội dung ông T khai bản thân vì hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn nên ông không tiếp tục công tác trong ngành giáo dục và chuyển công tác về ấp T. Điều này cho thấy ông nghỉ việc có thể không do yêu cầu của tổ chức và việc chuyển công tác về ấp là không đúng quy định (ông T cũng không cung cấp được quyết định điều động hoặc quyết định chuyển công tác, chuyên ngành và do cán bộ ấp không phải là biên chế viên chức, không được tính là thời gian có đóng bảo hiểm xã hội).

Do đó, Cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Bạc Liêu không giải quyết tính thời gian công tác từ năm 1984 đến năm 1988 là thời gian công tác đã đóng bảo hiểm xã hội đối với ông Lê Văn T do ông chưa cung cấp được hồ sơ, tài liệu theo quy định.

Đối với nội dung ông T yêu cầu đóng bảo hiểm xã hội cho thời gian công tác trong ngành Thuế từ năm 1994- 2007 thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Thuế tỉnh Bạc Liêu.

- *Thứ hai:* Đối với yêu cầu buộc Bảo hiểm xã hội H tỉnh Bạc Liêu phải bồi thường tổn thất về thu nhập tiền lương hưu cho ông Lê Văn T với số tiền là 50.000.000 đồng. Cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Bạc Liêu có ý kiến như sau: Ông T không được giải quyết tính thời gian công tác từ năm 1984 đến năm 1988 là thời gian công tác đã đóng BHXH do ông T chưa cung cấp được hồ sơ, tài liệu theo quy định. Đây là lỗi của ông T.

2.2. Cục thuế tỉnh B (nay là Chi cục thuế khu vực X) và Cục trưởng Cục thuế tỉnh B (nay là Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực X) trình bày:

Việc Cục trưởng Cục thuế tỉnh B ban hành công văn số: 597/CTBLI-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Lê Văn T là phù hợp quy định pháp luật do giai đoạn từ năm 1994 đến năm 2007 ông Lê Văn T không thuộc đối tượng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Căn cứ đề ban hành công văn số: 597/CTBLI-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B là:

1. Điều 3 Nghị định số 12/CP ngày 26/01/1995 của Chính phủ về việc ban hành Điều lệ BHXH: Quy định đối tượng phải áp dụng các chế độ bảo hiểm xã hội.

2. Thông tư số 06/TT-LĐTBXH ngày 04/4/1995 của Bộ L1 Thương binh và Xã hội: Hướng dẫn thi hành Nghị định số 12/CP ngày 26/01/1995 của Chính phủ.

3. Phụ lục 02 ban hành tại Quyết định số 948/QĐ-BHXH ngày 05/06/2023 của B1 quy định các loại giấy tờ làm căn cứ lập danh sách truy thu BHXH, BHYT, BHTNLD-BNN

4. Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp.

2.3. Chi Cục thuế khu vực P (nay là Đội thuế liên huyện P - Hồ N) và Chi cục trưởng Chi Cục thuế khu vực P (nay là Đội trưởng đội thuế liên huyện P - Hồ N) trình bày:

Chi cục thuế P, chi cục trưởng Chi cục thuế P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T, lý do:

Từ năm 1994-1999, đối với hợp đồng lao động không bắt buộc phải đóng bảo hiểm xã hội.

Từ năm 2000-2007 thời điểm này thực hiện theo Nghị định số 68 ngày 17/11/2000 của chính phủ, thì cơ quan Nhà nước chỉ được thực hiện hợp đồng với 03 trường hợp: bảo vệ, lái xe, tạp vụ; không được hợp đồng đối với chuyên môn nghiệp vụ và chỉ có 03 trường hợp này được đóng bảo hiểm xã hội (Điều 1 của Nghị định số 68). Tuy nhiên, do yêu cầu, tính chất công việc đặc thù của ngành nên phía Chi cục thuế P-Hồ N có hợp đồng với nhiều cá nhân chưa qua đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, kể cả chưa có bằng tốt nghiệp phổ thông trung học trong đó có ông T, để làm nhiệm vụ hỗ trợ thu thuế; bởi vì lượng thuế phải thu rất nhiều, nhân lực đơn vị lại ít, nếu không có thêm hợp đồng vụ việc thì không hoàn thành nhiệm vụ thu thuế mà đơn vị được giao.

Do ông T không phải là lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ, không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 12/NĐ-CP ngày 26/01/1995 của Chính phủ nên Chi cục thuế P không đóng bảo hiểm xã hội cho ông T.

Các hợp đồng lao động với ông T chỉ thể hiện bằng Quyết định của người sử dụng lao động, quy định cụ thể số tiền công được hưởng, không có sự thỏa thuận ký kết giữa người sử dụng lao động và người lao động, hoàn toàn không đề cập đến việc trích đóng bảo hiểm xã hội cho ông T.

Vì vậy, việc chi cục trưởng Chi cục thuế P ban hành Quyết định số 84/QĐ-CCTKV ngày 4/5/2024 đối với khiếu nại của ông Lê Văn T là đúng quy định pháp luật.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trường trung học cơ sở N trình bày:

Năm 1982, ông Lê Văn T dạy học tại Trường N (nay là Trường trung học cơ sở N) huyện H, không có quyết định tuyển dụng nhưng có được trả lương, có bảng lương từ năm 1984 đến năm 1988. Đến năm 1989, ông T nghỉ dạy tại trường.

Khi ông T dạy học tại Trường trung học cơ sở N thì thời điểm này chưa có quy định về việc đơn vị tuyển dụng đóng bảo hiểm cho người lao động; mặt khác ông T cũng không có quyết định tuyển dụng nên phía Trường trung học cơ sở N không có đóng bảo hiểm xã hội cho ông T.

Trường trung học cơ sở N không có ý kiến gì với yêu cầu khởi kiện của ông T. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ kiện theo quy định pháp luật.

* Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông T trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính,.

Đề nghị Hội đồng xét xử

1/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu:

- Buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Bạc Liêu phải tính thời gian tham gia công tác từ năm 1984 -1988 là thời gian công tác đã đóng bảo hiểm xã hội đối với ông Lê Văn T đúng theo qui định của pháp luật.

- Buộc Cục Thuế tỉnh B phải truy thu trích đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho ông Lê Văn T từ năm 1994 - 2007 và buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh B phải tính thời gian tham gia công tác từ năm 1994 - 2007 là thời gian công tác mà ông Lê Văn T phải được đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đúng theo qui định của pháp luật.

- Buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Bạc Liêu và Cục Thuế tỉnh B phải bồi thường tổn thất về thu nhập tiền lương hưu cho ông Lê Văn T kể từ thời điểm ông T có quyết định nghỉ hưu cho đến thời điểm ông T được cộng nối thời gian tham gia công tác được tính bảo hiểm xã hội theo qui định của pháp luật với số tiền tạm tính từ ngày 01/01/2024 đến tháng 10/2024 là 50.000.000 đồng.

- Huỷ Phiếu hướng dẫn số 72/HD-BHXX ngày 19/01/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T về việc yêu cầu hủy:

- Quyết định 342/QĐBHXX ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T;

- Công văn số: 597/CTBLI-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Lê Văn T;

- Quyết định số 84/QĐ-CCTKV ngày 4/5/2024 của Chi Cục trưởng Chi Cục thuế khu vực P-Hồ N về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T (lần đầu).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về giới hạn xét xử:

Ngày 23/4/2025, ông T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút lại các yêu cầu sau:

- Buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Bạc Liêu phải tính thời gian tham gia công tác từ năm 1984 -1988 là thời gian công tác đã đóng bảo hiểm xã hội đối với ông Lê Văn T đúng theo qui định của pháp luật.

- Buộc Cục Thuế tỉnh B phải truy thu trích đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho ông Lê Văn T từ năm 1994 - 2007 và buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh B phải tính thời gian tham gia công tác từ năm 1994 - 2007 là thời gian công tác mà ông Lê Văn T phải được đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đúng theo qui định của pháp luật.

- Buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Bạc Liêu và Cục Thuế tỉnh B phải bồi thường tổn thất về thu nhập tiền lương hưu cho ông Lê Văn T kể từ thời điểm ông T có quyết định nghỉ hưu cho đến thời điểm ông T được cộng nối thời gian tham gia công tác được tính bảo hiểm xã hội theo qui định của pháp luật với số tiền tạm tính từ ngày 01/01/2024 đến tháng 10/2024 là 50.000.000 đồng.

- Huỷ Phiếu hướng dẫn số 72/HD-BHXX ngày 19/01/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B.

Đây là tự sự nguyện của đương sự, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đình chỉ đối với việc rút yêu cầu phần này theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Luật tố tụng hành chính.

Ông T xác định chỉ khởi kiện yêu cầu hủy:

- Quyết định 342/QĐBHXH ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T (lần đầu);
- Công văn số: 597/CTBLI-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Lê Văn T;
- Quyết định số 84/QĐ-CCTKV ngày 4/5/2024 của Chi Cục trưởng Chi Cục thuế khu vực P-Hồ N về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T (lần đầu).

Nên phạm vi xét xử của Tòa án trong nội dung khởi kiện nêu trên

[1.3] Sự tham gia của đương sự tại phiên tòa: Các đương sự có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; xét thấy sự vắng mặt của các đương sự không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án; căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

[1.4] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Văn T yêu cầu hủy:

- Quyết định 342/QĐBHXH ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T (lần đầu);
- Công văn số: 597/CTBLI-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Lê Văn T;
- Quyết định số 84/QĐ-CCTKV ngày 4/5/2024 của Chi Cục trưởng Chi Cục thuế khu vực P-Hồ N về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T (lần đầu).

Đây là quyết định hành chính theo quy định tại các khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

[1.5] Về thời hiệu khởi kiện: Các Quyết định bị kiện được ban hành vào các tháng 5 và tháng 7 năm 2024. Ngày 19/8/2024 ông T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thẩm quyền ban hành:

Quyết định 342/QĐBHXH ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T; Công văn số: 597/CTBLI-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B

về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Lê Văn T; Quyết định số 84/QĐ-CCTKV ngày 4/5/2024 của Chi Cục trưởng Chi Cục thuế khu vực P-Hồ N về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T (lần đầu) được ban hành đúng thẩm quyền.

[2.2] Về hình thức ban hành:

Quyết định 342/QĐBHXH ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T; Công văn số: 597/CTBLI-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Lê Văn T; Quyết định số 84/QĐ-CCTKV ngày 4/5/2024 của Chi Cục trưởng Chi Cục thuế khu vực P-Hồ N về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T (lần đầu) đã ban hành đúng theo quy định của Luật Khiếu nại.

[2.3] Về nội dung:

[2.3.1] Xét yêu cầu hủy Quyết định 342/QĐBHXH ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T, thấy rằng:

Về thời gian công tác trong ngành giáo dục của ông Lê Văn T từ năm 1984 – 1988), ông T đã cung cấp hồ sơ gồm:

- Bảng lương từ năm 1984 đến năm 1988 (bản gốc lưu giữ hơn 40 năm)
- Lý lịch đảng viên (hơn 25 năm tuổi đảng)
- Đơn xin xác nhận ngày 08/07/2022 có xác nhận của nguyên Hiệu trưởng Nguyễn Văn S và dấu mộc chữ ký của Trưởng phòng Giáo dục và đào tạo huyện H.
- Giấy xác nhận ngày 07/07/2022 có xác nhận của nguyên Hiệu trưởng Nguyễn Văn S và dấu mộc chữ ký của Trưởng phòng Giáo dục và đào tạo huyện H.
- Đơn xin trích lục ngày 08/07/2022 có xác nhận của Trưởng phòng Giáo dục và đào tạo huyện H.

Tại Công văn số 148/PGDDĐT ngày 26/6/2024 của Phòng Giáo dục và đào tạo huyện H xác định: “1. Huyện H được điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập huyện P vào tháng 10 năm 2000, cơ quan chuyên môn Phòng Giáo dục và đào tạo huyện H được thành lập và đi vào hoạt động vào ngày 09/10/2000, sau khi thành lập, Phòng G đã tiếp nhận hồ sơ liên quan từ Phòng Giáo dục và đào tạo (Phòng G), trong hồ sơ tiếp nhận bàn giao không có 02 Quyết định mà quý cơ quan cần cung cấp, cụ thể:

- Quyết định tuyển dụng vào công tác tại trường phổ thông cơ sở Ninh Hòa huyện N của ông Lê Văn T (năm 1984).
- Quyết định điều động hoặc Quyết định chuyển công tác từ trường N về UBND xã N của ông Lê Văn T (năm 1988).

2. Như đã nêu trên, phòng GD-ĐT Hồng Dân thành lập ngày 09/10/2000 trong khi đó ông Lê Văn T thôi việc từ năm 1988, do đó việc ông Lê Văn T có hưởng trợ cấp thôi việc hay chưa phòng GD-ĐT không rõ”.

Công văn số 01/PNV ngày 27/6/2024 của Phòng Nội vụ huyện H xác định: “1. Phòng Nội vụ huyện H chính thức đi vào hoạt động ngày 11 tháng 8 năm 2009, khi đó, phòng Nội vụ không có quản lý hồ sơ viên chức của ông Lê Văn T. Vì vậy, phòng Nội vụ không có hồ sơ để cung cấp theo yêu cầu Công văn số 719 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B.

2. Việc xác nhận ông Lê Văn T có hưởng trợ cấp thôi việc hay chưa hưởng trợ cấp thôi việc, phòng Nội vụ không rõ. Vì phòng Nội vụ mới được thành lập năm 2009”.

Công văn số 16/THCS-NH ngày 27/6/2024 của Trường THCS N (tiền thân là trường N) xác định:

“Trường THCS N nhận được công văn số 719/BHXXH-TTKT ngày 24 L Trường THCS N cung cấp thông tin như sau:

1- Trường trung học cơ sở N tiền thân là Trường N, đến năm 1994 được đổi tên thành trường trung học cơ sở N trước đây do Thầy Nguyễn Văn S làm Hiệu trưởng nên trong khoảng thời gian này tôi xin thông tin như sau: Khi tôi làm Hiệu trưởng tại trường trung học cơ sở N trong hồ sơ bàn giao không có 02 Quyết định mà quý cơ quan cần cung cấp cụ thể. Quyết định tuyển dụng vào công tác tại trường N của Ông Lê Văn T (năm 1984). Quyết định điều động hoặc quyết định chuyển công tác từ trường N về công tác tại UBND xã N của ông Lê Văn T (năm 1988).

2- Như trên đã nêu khi tiếp nhận hồ sơ của Hiệu trưởng cũ thì tôi không có nhận các quyết định nêu trên và giấy tờ có liên quan đến việc ông Lê Văn T có nhận trợ cấp thôi việc một lần hay không thì tôi không rõ, nhưng theo xác nhận của Ông Nguyễn Văn S nguyên Hiệu trưởng trước đây thì ông Lê Văn T chưa nhận trợ cấp thôi việc”.

Công văn số 1098/UBND ngày 9/7/2024 của UBND huyện H xác định: “Trước năm 1984 đến tháng 8 năm 2000, các cơ quan hành chính nhà nước huyện H được đặt tại thị trấn P ngày nay (khi đó còn huyện C). Đến ngày 25 tháng 9 năm 2000 thực hiện Nghị định 51/2000/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện H để thành lập huyện P, tỉnh Bạc Liêu, sau khi được điều chỉnh các cơ quan hành chính nhà nước huyện H được di dời về khu vực trung tâm hành chính thị trấn N hoạt động cho đến ngày nay. Qua quá trình di dời, các hồ sơ thủ tục hành chính thời gian trước tháng 9 năm 2000 được lưu trữ tại huyện P, do đó Ủy ban nhân dân huyện H không xác định được các hồ sơ lưu

trữ thời gian trước, nên không thể cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan Bảo hiểm Xã hội tỉnh B”.

Công văn số 1553/UBND ngày 9/7/2024 của UBND huyện P xác định: *“UBND huyện chỉ đạo các phòng chức năng rà soát nhưng không có thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến ông T để cung cấp theo yêu cầu của BHXH”.*

Phía Bảo hiểm xã hội tỉnh Bạc Liêu không tính thời gian công tác từ năm 1984 đến năm 1988 là thời gian công tác đã đóng bảo hiểm xã hội đối với ông Lê Văn T do ông chưa cung cấp được hồ sơ, tài liệu theo quy định của pháp luật và cho rằng những tài liệu nêu trên chưa thể hiện được nội dung đã giải quyết trợ cấp thôi việc hoặc trợ cấp một lần hay chưa, nếu chưa thì lý do chưa được giải quyết; chưa nói rõ nguyên nhân vì sao chuyển công tác; văn bản xác nhận do cá nhân ông T và đồng nghiệp của ông là ông Nguyễn Văn S tự cung cấp, nên Bảo hiểm XH tỉnh không chấp nhận cộng nối thời gian công tác của ông T.

Xét thấy, ông Nguyễn Văn S1 xác nhận với tư cách là nguyên Hiệu trưởng trường N và có xác nhận chữ ký dấu mộc của Trưởng phòng giáo dục và đào tạo huyện H. Tư cách xác nhận của ông Nguyễn Văn S ở đây không chỉ là đồng nghiệp mà ông Nguyễn Văn S xác nhận ở đây là nguyên Hiệu trưởng, nguyên lãnh đạo cũ của ông T.

Khoản 4 Điều 139 Luật bảo hiểm xã hội năm 2006 quy định: *“Người lao động có thời gian làm việc trong khu vực nhà nước trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 nếu chưa được giải quyết trợ cấp thôi việc hoặc trợ cấp một lần, trợ cấp xuất ngũ, phục viên thì thời gian đó được tính là thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội”.*

Tại Công văn số 3595/LĐTBXH-BHXXH ngày 18/9/2020 của Bộ L1 về việc hướng dẫn tính thời gian công tác đối với người lao động không còn hồ sơ gốc thể hiện thời gian làm việc trước ngày 01/01/1995, cụ thể tại mục 2, 3: *“Trường hợp người lao động không còn hồ sơ gốc thể hiện thời gian làm việc trong khu vực nhà nước trước ngày 01/01/1995 thì việc xem xét....dựa trên cơ sở Đơn đề nghị của người lao động, văn bản xác nhận của cơ quan quản lý người lao động và các giấy tờ có liên đến thời gian công tác đề nghị tính hưởng BHXH để đối chiếu như: Lý lịch Đảng viên, danh sách chi trả lương...”*

Đối chiếu với quy định trên thì các tài liệu ông T cung cấp đã thể hiện rõ ràng về thời điểm tuyển dụng hoặc chuyển công tác, diễn biến quá trình công tác, diễn biến tiền lương của người lao động là ông T, đã chứng minh được thực tế ông T có công tác trong ngành giáo dục từ năm 1984 – năm 1988 (trường phổ thông cơ sở N cũng thừa nhận vấn đề này), tuy không còn lưu hồ sơ tuyển dụng cũng như chính sách trợ cấp khi thôi việc. Bản thân ông T xác định chưa nhận

trợ cấp thôi việc giai đoạn công tác tại Trường N phù hợp với trả lời tại Công văn số 16/THCS-NH ngày 27/6/2024 của Trường trung học cơ sở N. Theo nguyên tắc có lợi cho người lao động, trường hợp này cần xác định ông T chưa hưởng trợ cấp thôi việc.

Do đó, cần xác định thời gian công tác từ năm 1984 đến năm 1988 là thời gian công tác đã đóng bảo hiểm xã hội cho ông Lê Văn T.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của ông T hủy Quyết định 342/QĐBHXH ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T có căn cứ chấp nhận.

[2.3.2] Xét yêu cầu hủy Quyết định số 84/QĐ-CCTKV ngày 4/5/2024 của Chi Cục trưởng Chi Cục thuế khu vực P và Công văn số 597/CTBLI-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Lê Văn T, thấy rằng:

Tại Công văn số 281/CCTKV ngày 17/12/2024, Chi cục Thuế khu vực P - Hồng Dân xác định ông Lê Văn T đã công tác tại Chi cục Thuế khu vực P - Hồ N từ tháng 01/1994 đến tháng 12/2007, hàng năm đều có kí kết hợp đồng lao động với ông T. Và phía Chi cục Thuế khu vực P cung cấp một số bản photo hợp đồng lao động kí kết với ông T để chứng minh cho lời xác định này.

Ông T đã cung cấp các giấy tờ từ năm 1994 -2007: Thẻ Đoàn Viên công đoàn năm 1994; Thẻ Đảng viên số 57004002 của Lê Văn T (SN 1963) ngày vào Đảng 03/05/1999; Lý lịch Đảng viên Lê Văn T; Quyết định số 66/QĐ-CCT Thành lập Tổ thu thuế và phân công CB ngày 10/05/1999 của Chi cục thuế P: Phân công ông Lê Văn T làm Tổ phó Tổ thu thuế xã N, kể từ ngày 10/05/1999; Giấy khen của UBND huyện: Khen ông Lê Văn T – Đội trưởng Đội Thuế xã N đã hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2002; Bằng khen của UBND tỉnh B: Khen ông Lê Văn T – Đội trưởng Đội Thuế xã N —Chi cục Thuế huyện H đã có thành tích “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác thuế năm 2003; Bằng khen của UBND tỉnh B : Tặng Bằng khen ông Lê Văn T – Đội phó Đ1 – N –Chi cục Thuế huyện P đã “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác thuế năm 2005; Chứng nhận ông Lê Văn T – Đội phó Đội thuế liên xã N - N, Chi cục thuế huyện P đạt danh hiệu lao động tiên tiến năm 2005; Chứng nhận ông Lê Văn T – Đội phó Đội thuế liên xã N - N, Chi cục thuế huyện P đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở năm 2005; Giấy khen của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B: Tặng Giấy khen ông Lê Văn T – Công chức Đội Thuế số 1- Chi Cục Thuế huyện P Đã có thành tích trong công tác thuế năm 2007; Quyết định số: 913/CT-QĐ-TCCB ngày 26/10/2004 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B: Miễn nhiệm chức vụ Đội trưởng Đội Thuế xã N Bổ nhiệm chức vụ Đội Phó Đội Thuế liên xã N và

N đối với ông Lê Văn T kể từ ngày 01/11/2004. Ông Lê Văn T được hưởng phụ cấp Chức vụ là: 0,10 kể từ ngày 01/11/2004; Quyết định số: 875/CT-QĐ-TCCB ngày 03/07/2007 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B: Miễn nhiệm chức vụ lãnh đạo (do không có bằng Đại học nên phân công lại nhiệm vụ); Kỷ niệm chương vì sự nghiệp tài chính Việt Nam cho ông Lê Văn T nhân viên Chi cục Thuế khu vực P – Hồ N, Cục Thuế tỉnh B của Bộ trưởng Bộ T3 tặng cho ông Lê Văn T.

Như vậy, từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên có căn cứ xác định ông Lê Văn T đã công tác trong ngành thuế từ tháng 01/1994 đến tháng 12/2007.

Theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ quy định về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp

“Điều 1: Thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp

1. Sửa chữa, bảo trì đối với hệ thống cấp điện, cấp, thoát nước ở công sở, xe ô tô và các máy móc, thiết bị khác đang được sử dụng trong cơ quan, đơn vị sự nghiệp;

2. Lái xe;

3. Bảo vệ;

4. Vệ sinh;

5. Trông giữ phương tiện đi lại của cán bộ, công chức và khách đến làm việc với cơ quan, đơn vị sự nghiệp;

6. Công việc khác”

Như vậy, ông T thuộc trường hợp hợp đồng làm việc theo công việc khác, cụ thể là phụ trách thu thuế.

Tại Nghị định số 01/2003/NĐ-CP ngày 09/01/2003 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 12/CP ngày 26/01/1995 của Chính phủ quy định:

“Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 12/CP ngày 26 tháng 01 năm 1995 của Chính phủ căn cứ theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động như sau:

1/ Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Đối tượng áp dụng bảo hiểm xã hội bắt buộc gồm:

1. Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 3 tháng trở lên và hợp đồng lao động không xác định thời hạn trong các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức sau:

a) Doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước;

b) Doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;

c) Doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

d) Doanh nghiệp của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội;

đ) Hộ sản xuất, kinh doanh cá thể, tổ hợp tác.

e) Các cơ quan hành chính, sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội khác, lực lượng vũ trang;

g) Cơ sở bán công, dân lập, tư nhân thuộc các ngành văn hóa, y tế, giáo dục, đào tạo, khoa học, thể dục thể thao và các ngành sự nghiệp khác;

h) Trạm y tế xã, phường, thị trấn;

i) Cơ quan, tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế tại Việt Nam, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

k) Các tổ chức khác có sử dụng lao động.

2. Cán bộ, công chức, viên chức theo Pháp lệnh cán bộ, công chức.

3. Người lao động, xã viên làm việc và hưởng tiền công theo hợp đồng lao động từ đủ 3 tháng trở lên trong các hợp tác xã thành lập, hoạt động theo Luật Hợp tác xã.

4. Người lao động làm việc tại các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1, khoản 3 và khoản 6 Điều này, làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn dưới 3 tháng, khi hết hạn hợp đồng lao động mà người lao động tiếp tục làm việc hoặc giao kết hợp đồng lao động mới đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đó thì phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc”

- Đối với Luật bảo hiểm xã hội năm 2006 quy định:

“Điều 2: Đối tượng áp dụng

1/ Người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc là công dân Việt Nam, bao gồm:

a) Người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động từ đủ 03 tháng trở lên”

và Luật bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định: “Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người lao động là công dân Việt Nam thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bao gồm: a) Người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn, hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng, kể cả hợp đồng lao động được ký kết giữa người sử dụng lao động với người đại diện theo pháp luật của người dưới 15 tuổi theo quy định của pháp luật về lao động;

b) Người làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng;”

Theo quy định tại Phụ lục 02 các loại giấy tờ làm căn cứ lập danh sách truy thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN của Quyết định số 948/QĐ-BHXH ngày 5/6/2023 của B thì ông T thuộc đối tượng hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/CP (tính thời gian BHXH từ tháng 01/2000).

Đối chiếu với quy định trên, ông T thuộc trường hợp được thực hiện chế độ hợp đồng lao động đối với “công việc khác” cụ thể là phụ trách thu thuế và ông T đã thực hiện công việc này liên tục từ tháng 01/1994 đến tháng 12/2007. Nên ông T thuộc đối tượng được ký hợp đồng lao động và phải đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, nhưng cơ quan thuế nơi ông T công tác không thực hiện là chưa đúng quy định của pháp luật.

Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T yêu cầu: hủy Công văn số 597/CTBLI-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B và hủy Quyết định số 84/QĐ-CCTKV ngày 4/5/2024 của Chi cục thuế khu vực P - Hồ N.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T; ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông T. Không chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên toà.

[4] Án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận nên ông T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Bảo hiểm xã hội tỉnh khu vực XXXII, Chi cục thuế khu vực X phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116, Điều 156, Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 173, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

- Luật bảo hiểm xã hội;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T:

- Buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Bạc Liêu phải tính thời gian tham gia công tác từ năm 1984 -1988 là thời gian công tác đã đóng bảo hiểm xã hội đối với ông Lê Văn T đúng theo qui định của pháp luật.

- Buộc Cục Thuế tỉnh B phải truy thu trích đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho ông Lê Văn T từ năm 1994 - 2007 và buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh B phải tính thời gian tham gia công tác từ năm 1994 - 2007 là thời gian công tác mà ông Lê Văn T phải được đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đúng theo qui định của pháp luật.

- Buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Bạc Liêu và Cục Thuế tỉnh B phải bồi thường tổn thất về thu nhập tiền lương hưu cho ông Lê Văn T kể từ thời điểm ông T có quyết định nghỉ hưu cho đến thời điểm ông T được cộng nối thời gian tham gia công tác được tính bảo hiểm xã hội theo qui định của pháp luật với số tiền tạm tính từ ngày 01/01/2024 đến tháng 10/2024 là 50.000.000 đồng.

- Huỷ Phiếu hướng dẫn số 72/HD-BHXXH ngày 19/01/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T về việc yêu cầu hủy:

- Quyết định 342/QĐBHXXH ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T (lần đầu);

- Công văn số: 597/CTBLI-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Lê Văn T;

- Quyết định số 84/QĐ-CCTKV ngày 4/5/2024 của Chi Cục trưởng Chi Cục thuế khu vực P-Hồ N về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T (lần đầu).

3. Hủy:

- Quyết định 342/QĐBHXXH ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T (lần đầu);

- Công văn số: 597/CTBLI-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Lê Văn T;

- Quyết định số 84/QĐ-CCTKV ngày 4/5/2024 của Chi Cục trưởng Chi Cục thuế khu vực P-Hồ N về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T (lần đầu).

4. Về án phí hành chính sơ thẩm:

- Bảo hiểm xã hội khu vực XXXII phải nộp án phí hành chính sơ thẩm 300.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu

- Chi Cục thuế khu vực X phải nộp án phí hành chính sơ thẩm 300.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP . HCM;

TÒA

- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Tổ HCTP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, THC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

Tăng Trần Quỳnh Phương